

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam, Hoạt động xây dựng, Môi trường
thuộc phạm vi chức năng Quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, lâm nghiệp, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại Tờ trình số 01/TTr-BQL ngày 02 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam, Hoạt động xây dựng, Môi trường thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

Điều 2.

1. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thiết lập cấu hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan căn cứ Quyết định này thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ: TC, NNMT, XD;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu: VT, T7, X5, PVHCC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

**PHÊ DUYỆT QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM, HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, MÔI TRƯỜNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	Mã số TTHC				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn					
1	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập 1.014156.H21	Đối với nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu			Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 29/12/2025
		02 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	0,25 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: tiếp nhận hồ sơ, chuyển Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	
			1,0 ngày	Bước 2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, giải quyết cụ thể: 1,0 ngày 2.1. Lãnh đạo Phòng Quy hoạch xây dựng phân công thụ lý: 0,25 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 0,25 ngày. 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày. 2.4. Lãnh đạo Ban ký duyệt; Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,25 ngày.	
			0,5 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	
	Mã số TTHC					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
			0,25 ngày	Bước 4. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường		
2	Phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập 1.014158.H21	Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch phân khu				
Tổng cộng: 02 TTHC						

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày, giờ làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Ban (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 4: Tiếp nhận, trả kết quả)	
Lĩnh Vực Đầu tư tại Việt Nam							
1	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý (1.009748.H21)	7,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày	Phòng Quản lý Đầu tư, xử lý hồ sơ (6,5ngày): 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 6 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt: 0,25 ngày	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 29/12/2025
Lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn							
2		6,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ	0,25 ngày	Phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng, xử lý hồ sơ (5,5ngày):	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày, giờ làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Ban (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 4: Tiếp nhận, trả kết quả)	
	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (1.014155. H21)	sơ hợp lệ		1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt: 0,5 ngày			3263/QĐ-UBND ngày 29/12/2025
3	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (1.014156.H21)	* Đối với nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết					
		02 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	0,25 ngày	Phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng, xử lý hồ sơ (1,0 ngày): 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt: 0,25 ngày	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 29/12/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày, giờ làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Ban (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 4: Tiếp nhận, trả kết quả)	
4	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (1.014157.H21)	13 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày	Phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng, xử lý hồ sơ (12ngày): 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 11 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt: 0,5 ngày	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 29/12/2025
5	Phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (1.014158.H21)	5.1. Đối với điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết và điều chỉnh Quy hoạch chi tiết					
		05 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	0,25 ngày	Phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng, xử lý hồ sơ (4,0 ngày): 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 3,0 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt: 0,5 ngày	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 29/12/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày, giờ làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Ban (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 4: Tiếp nhận, trả kết quả)	
			5.2. Đối với quy hoạch tổng mặt bằng				
		05 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	0,25 ngày	Phòng Quản lý Quy hoạch và Xây dựng, Văn phòng đại diện Ban Quản lý tại KCN, KKT, xử lý hồ sơ (4,0 ngày): 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 3,0 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt: 0,5 ngày	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 3263/QĐ- UBND ngày 29/12/2025
Lĩnh vực Hoạt động xây dựng							
6	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh (1.013239.H21)	6.1. Đối với dự án nhóm A					
		12 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	0,25 ngày	Phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng, xử lý hồ sơ (11,0 ngày): 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 10,0	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 3263/QĐ- UBND ngày

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày, giờ làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Ban (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 4: Tiếp nhận, trả kết quả)	
				ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt: 0,5 ngày			29/12/2025
		6.2. Đối với dự án nhóm B và C					
		10 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	0,25 ngày	Phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng, xử lý hồ sơ (9,0 ngày): 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 8,0 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt: 0,5 ngày	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 29/12/2025
7	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh	04 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày	Phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng, xử lý hồ sơ (3,0 ngày): 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 2,0 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt: 0,5	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 29/12/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày, giờ làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Ban (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 4: Tiếp nhận, trả kết quả)	
	hoàn thành/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). (1.013236.H21)			ngày			
8	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	04 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày	Phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng, xử lý hồ sơ (3,0 ngày): 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 2,0 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt: 0,5 ngày	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 29/12/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày, giờ làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Ban (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 4: Tiếp nhận, trả kết quả)	
	(1.013238.H21)						
9	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). (1.013230.H21)	04 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày	Phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng, xử lý hồ sơ (3,0 ngày): 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 2,0 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt: 0,5 ngày	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 29/12/2025
10	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I,	04 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày	Phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng, xử lý hồ sơ (3,0 ngày): 1. Lãnh đạo phòng phân công	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 3263/QĐ-

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày, giờ làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Ban (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 4: Tiếp nhận, trả kết quả)	
	cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). (1.013231.H21)			thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 2,0 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt: 0,5 ngày			UBND ngày 29/12/2025
Lĩnh vực Môi trường							
11	Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường 1.010733.H21	12 ngày, cụ thể: - Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Tối đa	0,25 ngày	I. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thẩm định báo cáo ĐTM 8,25 ngày , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày; 2. Chuyên viên xử lý: 7,75	0,25 ngày	0,25 ngày	- Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 29/12/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày, giờ làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Ban (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 4: Tiếp nhận, trả kết quả)	
		09 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ - Thời điểm thông báo kết quả: trong thời hạn thẩm định.		ngày: - Kiểm tra hồ sơ, có văn bản đề nghị cử thành viên tham gia Hội đồng thẩm định. - Lấy ý kiến (nếu có), thành lập hội đồng thẩm định, gửi hồ sơ thành viên Hội đồng thẩm định nghiên cứu, thu phí thẩm định. - Tổ chức họp thẩm định, dự thảo VB thông báo kết quả thẩm định. 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả (Văn bản thông báo kết quả thẩm định): 0,25 ngày. <i>(Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan phê duyệt theo quy định tại điểm c,</i>			

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày, giờ làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Ban (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 4: Tiếp nhận, trả kết quả)	
				<i>khoản 6 Điều 34 Luật bảo vệ môi trường)</i>			
		- Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: tối đa 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	0,25 ngày	II. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM 4,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày; 2. Chuyên viên xử lý: Kiểm tra nội dung báo cáo ĐTM sau khi chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện; dự thảo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM hoặc văn bản trả hồ sơ (nếu có): 3,75 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,25 ngày.	0,25 ngày	0,25 ngày	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày, giờ làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Ban (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 4: Tiếp nhận, trả kết quả)	
12	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) 1.010727.H21	I. Đối với trường hợp Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: 10 ngày					
		Thời hạn thẩm định hồ sơ đề nghị cấp GPMT 07 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ;	0,25 ngày	I. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ đề nghị cấp GPMT: 6,25 ngày 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày; 2. Chuyên viên xử lý: 5,75 ngày: - Kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến, thành lập Hội đồng thẩm định, thu phí thẩm định; - Tổ chức họp thẩm định, thông báo kết quả thẩm định. 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả (VB thông báo kết quả thẩm định): 0,25 ngày.	0,25 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 29/12/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày, giờ làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Ban (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 4: Tiếp nhận, trả kết quả)	
				<i>(Thời gian phân tích mẫu chất thải và hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)</i>			
		+ Thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối	0,25 ngày	II. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung: 2,25 ngày 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày. 2. Chuyên viên xử lý: 1,75 ngày: - Xem xét, dự thảo giấy phép	0,25 ngày	0,25 ngày	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày, giờ làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Ban (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 4: Tiếp nhận, trả kết quả)	
		đa là 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.		môi trường sau khi tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung hoặc VB trả hồ sơ. 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả (Giấy phép môi trường hoặc VB trả hồ sơ): 0,25 ngày.			
		II. Đối với các trường hợp còn lại: 12 ngày					
		Thời hạn thẩm định hồ sơ đề nghị cấp GPMT 09 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ;	0,25 ngày	I. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ đề nghị cấp GPMT: 8,25 ngày 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày. 2. Chuyên viên xử lý: 7,75 ngày: - Kiểm tra hồ sơ; công khai trên website; lấy ý kiến cơ quan, đơn vị liên quan; - Thành lập Hội đồng thẩm	0,25 ngày	0,25 ngày	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày, giờ làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Ban (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 4: Tiếp nhận, trả kết quả)	
				định/Đoàn kiểm tra; thu phí thẩm định; tổ chức khảo sát hiện trường (nếu có); tổ chức họp thẩm định/kiểm tra thực tế; thông báo kết quả thẩm định. 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả (VB thông báo kết quả thẩm định): 0,25 ngày. <i>(Thời gian phân tích mẫu chất thải và hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)</i>			

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày, giờ làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Ban (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 4: Tiếp nhận, trả kết quả)	
		+ Thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	0,25 ngày	II. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung: 2,25 ngày 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày. 2. Chuyên viên xử lý: 1,75 ngày: - Xem xét, dự thảo giấy phép môi trường sau khi tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung hoặc văn bản trả hồ sơ. 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả (Giấy phép môi trường hoặc VB trả hồ sơ): 0,25 ngày.	0,25 ngày	0,25 ngày	
	Tổng cộng: 12 TTHC						